

Đương Số: Xemtuong - Dương Nam
 Cung mệnh: **Giáp Thân** - Thai Nguyên: **Giáp Tuất**
 Thân Vượng: Kim **33/50**
 Dụng Thần: **Thủy**



Trụ Năm 2020 Kiếp CANH TỶ Q.Đới Quý TỬ Thực Mộ Mộ	Trụ Tháng 07 Thực MỘ QUỶ MỘ KỶ ĐÌNH Kiêu T.Tài SẮT Q.Đới Dưỡng Q.Đới	Trụ Ngày 07 Thân Thương Suy TÂN HỢI M.Dục Giáp Nhâm Tài Thương Mộ Dưỡng	Trụ Giờ 4:01 Kiếp Q.Đới CANH TUYỆT Giáp BÌNH MẬU Tài QUAN ẨN Mộ Suy Suy
Trường Sinh Văn Xương Tướng Tinh Đào Hoa	Suy Hoa Cái Đại Hao Thái Dương	Mộc Dục Văn Xương Kim Dư Thái Cực Vong Thần	Thai Thiên Át QN Không Vong Dịch Mã Cô Thần Thái Cực Vong Thần
Đại Vận 0 (0 - 9 tuổi) Thực QUỶ MỘ KỶ ẤT ĐÌNH Kiêu T.Tài SẮT Q.Đới Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 1 (10 - 19 tuổi) Tài GIÁP THÂN TUYỆT Canh MẬU NHÂM Kiếp ẨN THƯƠNG L.Quan Bệnh T.Sinh	Đại Vận 2 (20 - 29 tuổi) T.Tài ẤT DẬU TUYỆT Tân Tỵ L.Quan	Đại Vận 3 (30 - 39 tuổi) Quan BÌNH TUẤT MỘ Mậu ĐÌNH TÂN ẨN SẮT TỶ Mộ Dưỡng Q.Đới
Đại Vận 4 (40 - 49 tuổi) SẮT ĐÌNH HỢI THAI Giáp Nhâm Tài Thương T.Sinh L.Quan	Đại Vận 5 (50 - 59 tuổi) ẨN MẬU TỶ THAI Quý Thực L.Quan	Đại Vận 6 (60 - 69 tuổi) ⚡ Kiêu KỶ SỬU MỘ KỶ Tân Quý Kiêu Tỵ Thực Mộ Dưỡng Q.Đới	Đại Vận 7 (70 - 79 tuổi) Kiếp CANH DẦN TUYỆT Giáp BÌNH MẬU Tài QUAN ẨN L.Quan T.Sinh T.Sinh
Đại Vận 8 (80 - 89 tuổi) Tỵ TÂN MÃO TUYỆT Ất T.Tài L.Quan	Đại Vận 9 (90 - 99 tuổi) Thương NHÂM THÌN MỘ Mậu Ất Quý ẨN T.Tài Thực Q.Đới Q.Đới Dưỡng	Đại Vận 10 (100 - 109 tuổi) Thực QUỶ TỶ THAI Bình Mậu Canh Quan Ẩn Kiếp L.Quan L.Quan T.Sinh	Đại Vận 11 (110 - 119 tuổi) Tài GIÁP NGỌ TỬ ĐÌNH KỶ SẮT KIỆU L.Quan L.Quan

Kiếp 2020 1 tuổi CANH TỶ TỬ	Tỵ 2021 2 tuổi TÂN SỬU Dưỡng	Thương 2022 3 tuổi NHÂM DẦN Bệnh	Thực 2023 4 tuổi QUỶ MÃO T.Sinh	Tài 2024 5 tuổi GIÁP THÌN Suy
T.Tài 2025 6 tuổi ẤT TỶ M.Dục	⚡ Quan 2026 7 tuổi BÌNH NGỌ Đ.Vượng	SẮT 2027 8 tuổi ĐÌNH MỘ Q.Đới	ẨN 2028 9 tuổi MẬU THÂN Bệnh	Kiếp 2029 10 tuổi KỶ DẬU T.Sinh
Kiếp 2030 11 tuổi CANH TUẤT Suy	Tỵ 2031 12 tuổi TÂN HỢI M.Dục	Thương 2032 13 tuổi NHÂM TỶ Đ.Vượng	Thực 2033 14 tuổi QUỶ SỬU Q.Đới	Tài 2034 15 tuổi GIÁP DẦN L.Quan
T.Tài 2035 16 tuổi ẤT MÃO L.Quan	Quan 2036 17 tuổi BÌNH THÌN Q.Đới	⚡ SẮT 2037 18 tuổi ĐÌNH TỶ Đ.Vượng	ẨN 2038 19 tuổi MẬU NGỌ Đ.Vượng	Kiếp 2039 20 tuổi KỶ MỘ Q.Đới
Kiếp 2040 21 tuổi CANH THÂN L.Quan	Tỵ 2041 22 tuổi TÂN DẬU L.Quan	Thương 2042 23 tuổi NHÂM TUẤT Q.Đới	Thực 2043 24 tuổi QUỶ HỢI Đ.Vượng	Tài 2044 25 tuổi GIÁP TỶ M.Dục
T.Tài 2045 26 tuổi ẤT SỬU Suy	Quan 2046 27 tuổi BÌNH DẦN T.Sinh	SẮT 2047 28 tuổi ĐÌNH MÃO Bệnh	ẨN 2048 29 tuổi MẬU THÌN Q.Đới	Kiếp 2049 30 tuổi KỶ TỶ Đ.Vượng
Kiếp 2050 31 tuổi CANH NGỌ M.Dục	Tỵ 2051 32 tuổi TÂN MỘ Suy	Thương 2052 33 tuổi NHÂM THÂN T.Sinh	Thực 2053 34 tuổi QUỶ DẬU Bệnh	Tài 2054 35 tuổi GIÁP TUẤT Dưỡng
T.Tài 2055 36 tuổi ẤT HỢI TỬ	Quan 2056 37 tuổi BÌNH TỶ Thai	SẮT 2057 38 tuổi ĐÌNH SỬU Mộ	ẨN 2058 39 tuổi MẬU DẦN T.Sinh	Kiếp 2059 40 tuổi KỶ MÃO Bệnh
Kiếp 2060 41 tuổi CANH THÌN Dưỡng	Tỵ 2061 42 tuổi TÂN TỶ TỬ	Thương 2062 43 tuổi NHÂM NGỌ Thai	Thực 2063 44 tuổi QUỶ MỘ Mộ	Tài 2064 45 tuổi GIÁP THÂN Tuyệt
T.Tài 2065 46 tuổi ẤT DẬU Tuyệt	Quan 2066 47 tuổi BÌNH TUẤT Mộ	SẮT 2067 48 tuổi ĐÌNH HỢI Thai	ẨN 2068 49 tuổi MẬU TỶ Thai	⚡ Kiêu 2069 50 tuổi KỶ SỬU Mộ
Kiếp 2070 51 tuổi CANH DẦN Tuyệt	Tỵ 2071 52 tuổi TÂN MÃO Tuyệt	Thương 2072 53 tuổi NHÂM THÌN Mộ	Thực 2073 54 tuổi QUỶ TỶ Thai	Tài 2074 55 tuổi GIÁP NGỌ TỬ

T.Tài	2075	56 tuổi	Quan	2076	57 tuổi	Sát	2077	58 tuổi	Ân	2078	59 tuổi	Kiều	2079	60 tuổi
ÁT	MÙI	Dương	BÍNH	THÂN	Bệnh	ĐINH	DẬU	T.Sinh	MẬU	TUẤT	Mộ	KỶ	HỢI	Thai

Kim Hỏa Thủy Thổ Mộc Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Cháu Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Cháu Xemtuong lá số tứ trụ này và luận giải cùng Quý Cháu những vấn đề mà Quý Cháu đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Cháu hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Cháu không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tứ trụ, bát tự hay tứ trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bổ khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Cháu dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tứ trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ "hành" nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, đi vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Cháu nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi đều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tứ trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Cháu cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tứ trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Cháu đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tứ trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tứ trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Cháu mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tứ Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ năm [Tý Thủy](#) được Thông căn Mộ *.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ tháng [Mùi Thổ](#) được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ ngày [Hợi Thủy](#) được Thông căn Dư Khí *.

Nhật nguyên là Tân Kim gặp địa chi trụ giờ [Dần Mộc](#) không thông, là vô căn.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can

càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5.5/10

Lệnh Tháng với tứ trụ

Can Năm **Canh** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Tháng **Quý** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Tân** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Suy** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Canh** sinh tháng **Mùi** tọa ở **Quan Đới** nên được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Giáp Tuất (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Túc: Bính Dần (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Tuất Dần này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tứ Trụ

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Giáp Thân** nạp âm là **Thủy** là tương khắc, theo lý là cuộc đời Quý Cháu ít được phúc lộc.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ năm Canh **Tý** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ tháng **Quý Mùi** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ ngày Tân **Hợi** nạp âm là **Kim** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Giáp Tuất** nạp âm là **Hỏa**, gặp trụ giờ Canh **Dần** nạp âm là **Mộc** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tứ trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bổ túc cho tứ trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự ghi nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tứ Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh **Tý** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Quý Mùi** là **Thổ** khắc **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Tân **Hợi** là Kim sinh **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ Canh **Dần** là Kim khắc **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức trung bình, không có gì gọi là sáng sủa, tuy nhiên biết kết hợp thời cơ dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 4/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Hợi Tý này thuộc nhóm Thân Tý Thìn tam hợp Thủy, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Hợi Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Hợi Dần này là lục hợp Mộc cục, hơi tốt.

Thân Vượng: Kim 33/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Cháu có Thân Kim Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là 33/50 điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây 17/36 điểm là thân Kim Nhược mà ở phần xét thân vượng nhược chính lại là Thân Vượng Kim, và chúng tôi đoán rằng **Thân Quý Cháu ở mức Trung Bình** không vượng cũng

không nhược. Để Quý Cháu Trai rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, đó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng Kim thì dụng thần nên là **Hỏa** để khắc bớt Kim, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Cháu là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Cháu là một người có bối cảnh bát tự là cây cỏ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Cháu là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Cháu khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Cháu không chết úng.

Dụng Thần: Thủy

Dụng Thần là Thủy (dụng thần 1)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bát, dọn rửa, nước chảy, cày khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sỹ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Cháu vì **Thủy** là dụng thần của Quý Cháu. Quý Cháu có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Cháu nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Cháu dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Cháu nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Cháu là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Cháu là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hãm bớt thân vượng. Quý Cháu hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Cháu có thể dùng mẹo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Cháu, ví dụ chữ dụng thần Quý Cháu có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Cháu hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi (con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Cháu, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Cháu mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm **Canh Tý** bị **Bính Ngọ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Ngọ**.

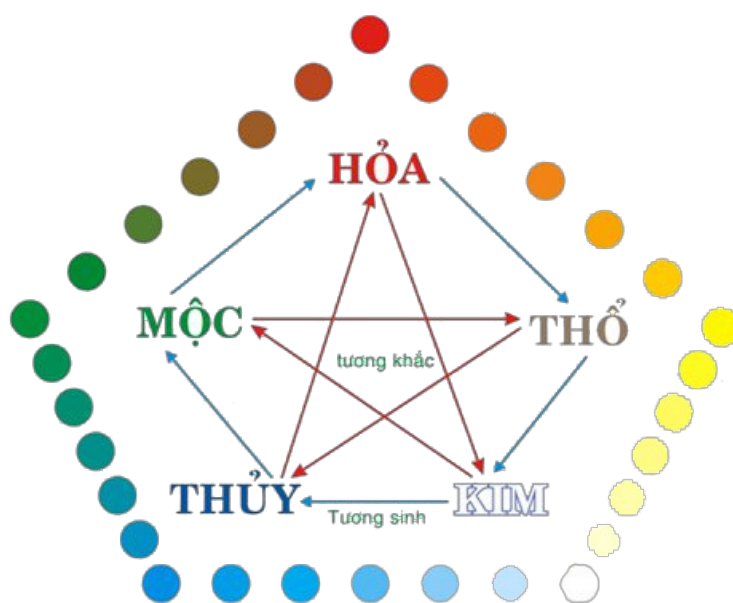
Trụ Tháng **Quý Mùi** bị **Kỷ Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Kỷ Sửu**.

Trụ Ngày **Tân Hợi** bị **Đinh Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Đinh Tỵ**.

Trụ Giờ **Canh Dần** bị **Bính Thân** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Thân**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Cháu nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tứ trụ, những năm đó rất xấu với Quý Cháu, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Cháu hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chính Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chính Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Ấm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoằn ngoèo

Trạng thái Ngũ hành	Sinh Mộc	Tương Hỏa	Hóa Thổ	Thâu Kim	Tàng Thủy
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tủy não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Tận
Lục phủ	Đờm (mật)	Tiểu trường (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trường (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Át	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Ty, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trường	Nhiệt Năng	Đất Đai	Cứng rắn, Cổ kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Kim

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Kim có nước da trắng hồng, đầu, trán và gương mặt cân đối, tai trắng, răng trắng; môi và lưỡi đỏ, cằm vuông, nhân trung sâu; tóc thưa, sợi nhỏ và xanh mượt; tay tròn tựa, hai bàn chân không khuyết, da lưng bàn tay đầy đặn, cứng dẽ; lưng tròn, bụng tròn, rốn sâu, tiếng nói thanh tao. Nhìn chung người thuộc Kim có số phận khá tốt, dù có đang gặp cảnh cơ hàn vẫn tin tưởng vào một tương lai sáng lạn.

Nhìn chung, người thuộc Kim hợp với phương Tây, có thể theo nghề kinh doanh hoặc các nghề có liên quan tới kim loại, có tính cứng rắn, quyết đoán, võ thuật, giám định, khai thác...

Quý Cháu Người Thuộc Kim Vượng

Người mà thuộc Kim vượng là người có vóc dáng không gầy, cũng không béo, mắt sâu, lông mày cao, da trắng và đẹp, tác phong quyết đoán, trọng nghĩa khinh tài, giàu lòng tự trọng. Người mà Kim quá vượng thường là kẻ hữu dũng vô mưu nhưng lại tham lam, bất nhân bất nghĩa. Người mà Kim quá vượng thường dễ mắc các bệnh về đại tràng, phổi, gan, trĩ, vùng rốn hoặc các bệnh về da, mũi, khí quản...

Cung Mệnh ở Thân sao Thiên cơ

Quý Cháu không nên kết hôn sớm, nữ không thuận với chồng.

Trụ năm của Quý Cháu có Kiếp Tài

Trụ năm có kiếp tài (kiếp) là con thứ: thích lý tài trọng nghĩa khí. Nếu trụ khác cũng có kiếp tài thì hôn nhân dễ có biến đổi hoặc anh em cùng cha khác mẹ.

Trụ tháng của Quý Cháu có Thực Thần

Trụ tháng có Thực thần (Thực) thì gọi là thiên trù nếu tọa kiến lộc là thiên trù lộc. Nếu có ngày chủ vượng thì phát đại phúc. Trường hợp tháng thực thần có chi chính quan (quan) hoặc giờ chính quan thì đại phát đạt, nên làm giới chính trị hoặc công chức sẽ phát triển. Trường hợp tháng chi có thực thần tọa vượng địa thì thân thể béo và có tính nhân hòa. Nói chung là tháng trụ có thực thần là được ân đức của bố mẹ.

Trụ ngày của Quý Cháu có Thương Quan

Trụ ngày có thương quan (thương) thì bạn đời tương mạo đẹp đẽ nhưng hay nói dối. Riêng phái nữ nếu có dương nhấn thì tái hôn hoặc sinh ly tử biệt. Nếu ngày có thương quan và giờ có sao tài thì trung niên phát đạt. Nếu ngày chủ suy thì hình vận thương quan thì tai nạn bất trắc, thân thể tổn thương.

Trụ giờ của Quý Cháu có Kiếp Tài

Trụ giờ có kiếp tài (kiếp) thì con cái nhiệt tình, tính cương trực, thích đầu cơ, thủ lợi, hay độc đoán. Nếu có thương quan (thương) ở cùng trụ thì tổn đến con cái. Nếu Kiếp tài, thương quan, dương nhấn cùng trụ thì gây dựng sự nghiệp khó.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thiên Trù

Thiên trù quý nhân: Được ơn huệ chu cấp quần áo lương thực, một đời không phải lo nghĩ.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Trụ giờ của Quý Cháu có Thiên át quý nhân và Không vong

Thiên át quý nhân Gặp không vong hình xung khắc phá, hoặc ở vận yếu suy nhược tử tuyệt phúc có giảm, một đời vất vả.

Trụ năm có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ giờ có Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhấn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Tứ Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Tứ Trụ của Quý Cháu có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

Trụ giờ có Dịch mã và Ngày chủ mệnh

Ngày chủ mệnh: Tứ trụ gặp dịch mã làm về ngành giao thông.

Trụ giờ có Dịch mã và Không vong

Với không vong cùng trụ: thường xuyên hoặc dễ thay đổi công việc nghề nghiệp.

Trong tứ trụ có Vong Thần

Vong thần: chủ về âm thầm kín đáo tâm cơ khó lường, hỷ nộ không biểu lộ ra mặt.

a: Với hỷ dụng thần: cùng chi và quý nhân cùng trụ là người có mưu lược già dặn.

b: Với kỵ thần cùng chi và Thất sát, Dương nhấn cùng trụ: hình vợ khắc con, hay bị kiện tụng.

c: Với kiếp tài cùng trụ thuộc về sao xấu.

Trụ năm có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi năm có sông đê, chủ về phá hoại những cái tổ tiên để lại hoặc có khuynh hướng lấy oán báo đức.

Trụ giờ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Chi giờ gặp sông đê chủ về khắc vợ khắc con hoặc cuối năm hay gặp tai họa, nếu gặp tài quan thì họa khá sâu, tương xung hoặc tương hợp với tuế vận thì tai họa ập đến ngay.

Tứ Trụ có Sông Đê (tức Kiếp Tài)

Người mà ngũ hành lại gặp sống dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sống dê còn chủ về vợ hay bệnh tật.

Trụ năm có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Năm có Sống dê: Xuất thân nghèo hèn, hoặc có tính lấy oán báo ân.

Trụ giờ có Sông Dê (tức Kiếp Tài)

Giờ có Sống dê: về già có họa, tổn thương con cái, ngày vận yếu thì không sao.

Cô thần Quả Tú(trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là từ bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điệu thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang đời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua ,ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hỉ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đô.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hỉ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

Vong thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 155)

Vong thần, vong tức là mất, mất từ bên trong gọi là vong. Vong ở chỗ vượng trong ngũ hành (Kiếp ở chỗ tuyệt trong ngũ hành).

Vong thần là gặp quan vượng trong tam hợp cục. Vong thần gặp tài cục là tài vượng, gặp quan cục là quan vượng, gặp thương quan cục là xỉ hời.

Gặp tài quan thương mà lớn thì đòi hỏi bản thân vượng nếu gặp thân nhược là hại, gặp ấn cục là tốt.

Vong thần cát thì sắc sảo uy lực, mưu lược tính toán, liệu việc như thần, binh cơ biến hóa, cuối cùng rồi sẽ thắng, nói năng hùng biện lưu loát, tuổi trẻ tiến nhanh.

Nói là tốt tức là chỉ khi mệnh gặp sinh vượng, quý sát. Nói xấu tức là khi mệnh rơi vào tử tuyệt, ác sát, là người ngông cuồng đảo điên, trắng đen thị phi lẫn lộn, lòng dạ hẹp hòi, đam mê tửu sắc, việc quan kiện tụng, phạm quân pháp.

Nếu quý nhân kiến lộc lại gặp vong thần thì chuyên về công việc bút nghiên, văn tự, nên nghề nhờ việc công. Vong thần, Thất sát thì họa không nhẹ, tìm đủ mọi cách việc vẫn không thành, khắc vợ, khắc con, không nói được nghiệp ông cha, là kẻ sĩ thì vô danh.

Mệnh đã Tuần không còn gặp Vong thần thì họa không nhẹ, nghèo đói suốt đời.

Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thần.

Nguyên thần là thần hại trong mệnh. Người trong tứ trụ đã có Thất Sát làm hại, còn gặp phải nguyên thần thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thần thì nhẹ.

Nguyên thần tuy xấu, lưu niên đại vận gặp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phương của nguyên thần thì có thể vô hại.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tứ trụ gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp.

Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trắng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cổ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tứ trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quân chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thể cho hung tinh.

Nếu mệnh kỵ kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ách quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thì đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng

Trụ năm gặp đất trường sinh để vượng, không bị xung khắc, lại được lệnh tháng sinh là chủ về cha mẹ tinh nhanh, tháo vát, dung nhan đẹp, người khỏe trường thọ.

Can năm Quý Cháu được lệnh tháng sinh là cha trường thọ

Can năm sinh cho chi năm là cha yêu mẹ

Can và chi năm tương sinh cho nhau là cha mẹ hòa thuận

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Cháu gặp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nhỏ nhắn, thanh lịch.

Trụ năm Quý Cháu gặp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Trụ năm Quý Cháu sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hi thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Chính ấn gặp trạch mã thì cha mẹ lập nghiệp ở phương xa.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phạm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bảo đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị li dị.

Trụ ngày, trụ giờ Quý Cháu đều phạm vong thần là khắc mẹ.

Chi ấn Quý Cháu gặp cô thần, quả tú là chủ về cha mẹ cô độc, lục thân không có chỗ nương tựa.

Trụ năm Quý Cháu là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Chi năm Quý Cháu bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ

Chi năm bị tháng xung khắc là tượng mất mẹ, nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ.

Tứ trụ Quý Cháu có Tỉ kiếp trùng trùng thì nhất định khắc cha.

Lệnh tháng Quý Cháu khắc năm là cha mẹ không song toàn

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm tháng xung nhau thì khó giữ được tổ nghiệp.

Trên trụ năm gặp tử, tuyệt, mộ địa hoặc bị hình, xung, khắc hại là ông cha phiêu bạt lênh đênh.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trong Tứ trụ gặp cả vong thần, thất sát là cha ông không để lại được gì.

Trụ năm là thất sát, tỉ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Cháu đóng ở trạch mã là anh chị em đi xa.

Lệnh tháng Quý Cháu gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Cháu về hôn nhân như sau.

Quý Cháu Nam tuổi Canh **Tý** hợp với Nữ tuổi Tân **Dần** - **Mậu** Thân - **Kỷ** Dậu về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Cháu có thể tùy ý chọn.

Trụ ngày Quý Cháu tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Tân **Hợi** là Kim sinh **Thủy**.

Trụ ngày Quý Cháu bị thương quan là vợ chồng không hòa thuận nhau, mình hay bị đối phương chửi.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Quý Cháu Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Cháu có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Cháu là dần thân tị hợp thì vợ đôn hậu

Mệnh nam Quý Cháu lấy vợ làm phúc.

Quý Cháu Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Cháu có Sao vợ rõ là vợ chồng hỗ trợ nhau.

Quý Cháu Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Cháu có Thê gặp thê là có 2 lần hôn nhân.

Quý Cháu có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Cháu có Trụ ngày đóng ở mộc đục thì vợ đẹp nhưng khó tránh khỏi cãi vã.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu: "Cửa của không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Quý Cháu Tài tinh nhập mộ thì vợ tính nhỏ nhen, quý của hơn người.

Tài nên tàng ẩn, tàng thì phong phú hùng hậu, Quý Cháu có tài tàng ẩn

Tài Quý Cháu có kho, phát tài thì có thể giữ được

Quý Cháu có Tài, Tài là thể tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Cháu có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có của thì khó mà quyền quý.

Quý Cháu Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Tài tinh Quý Cháu nhập mộ khi được xung phá thì tiền của đầy kho.

Khi đến thời vận hoặc năm xung phá Tài mộ ở tứ trụ thì phát tài, còn gọi là mở kho.

Quý Cháu có tài nhiều lại dựa vào án thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Cháu Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân Sửu, người tị, dậu, Sửu gặp ất Mùi, người thân, tý, thìn gặp bính Tuất; người hợi, mao, mùi gặp mậu Thìn, như thế gọi là thể tài tự hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Cháu có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp của.

Quý Cháu có Thương quan sinh tài thì sẽ tự nhiên giàu có.

Quý Cháu có Thực thần gặp tài, nhưng tài nhiều thì không sang mà chỉ là trọc phú.

Thực thần Quý Cháu có cát thần phù giúp thì giàu có tiếng.

Quý Cháu Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Cháu có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì châu báu tự nhiên mà đến.

Quý Cháu có Mã chạy vào đất tài là phát tài nhanh như mảnh hổ.

Quý Cháu có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Quan tinh Quý Cháu là lộc, tài tinh là mã, hành đến tài vận thì sẽ giàu.

Năm, tháng, giờ đều sinh trợ cho ngày, như thế là án thụ sinh của, hành đến vận quan ấn thì sẽ giàu.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Cháu có 2 Tài ẩn

Quý Cháu có Thực thần mà đến những năm đại vận và lưu niên nếu gặp Tỷ là tài vật hao tán.

Quý Cháu Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Trong trụ Quý Cháu có nhiều kiếp nếu đến đại vận lưu niên mà gặp kiếp thì nên án binh bất động những năm đó.

Tứ trụ Quý Cháu không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Cháu có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai hoạ liên miên.

Quan Vận

Thiên Quan Quý Cháu có chế phục lại được sinh, uy trấn biên cương (Có Thực chế, có Tài sinh).

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Tướng tinh cùng chỗ với Vong Thần, bậc đồng lương của quốc gia.

Quý Cháu có Thương Quan thấu, Chính Quan ẩn, gặp Sát Ẩn Tài, vị trọng quyền cao.

Quý Cháu Ẩn lâm Thiên Ất, mấy đời làm quan.

Quý Cháu có Quan ở cung giờ, mạng cường, tuổi về già được phong quan.

Quý Cháu có Mã ở trụ giờ, tuổi già được tấn phong chức tước (Nguyệt lệnh Chính Tài cách, không xung khắc, mạng vượng)

Thất Sát Quý Cháu có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Cháu có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Cháu có Thương Quan đối Ẩn, nhậm chức chính đốn kỹ cương trong triều.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Cháu có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Quý Cháu có Tài Quan Ẩn đều toàn, thi đậu cao, dễ nổi danh.

Quý Cháu có Tài Quan Thực, thông minh tú khí, văn tài xuất chúng.

Thiên Quan Quý Cháu bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ẩn Quý Cháu bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Cháu có Thương Quan đối Ẩn, có đảm thức thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Cháu có Thực đằng trước Sát đằng sau, người công danh hiển đạt (Thực tại năm tháng, Sát tại ngày giờ).

Thời tọa Chính Quan, có tuổi mới thành danh.

Nghề Nghiệp

Quý Cháu có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Cháu có Sát Ẩn tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Cháu có Tài Quan phù trợ lẫn nhau, nên học chính trị, pháp luật hoặc tài chính.

Quý Cháu có Thực Thương sinh Tài, nên học thương nghiệp, tiền tệ, tài chính, mậu dịch hoặc ngành nghề kinh doanh mang tính kỹ thuật.

Quý Cháu có Sát Ấn tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Quý Cháu có Tài chế Thiên Ấn, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Cháu có Chính Quan Thiên Ấn tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thân cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cứu lưu...

Quý Cháu có Thực Thân sinh Tài, lợi kinh doanh dược phẩm, ăn uống, bánh trái, thức ăn gia súc, chăn nuôi gia cầm...

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Kim thủy Thương Quan, giỏi hùng biện, hợp những nghề ăn nói, MC, tuyên truyền...

Quý Cháu Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Cháu có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tứ trụ hỗ trợ thần Quý Cháu là Thủy

Tứ trụ hỗ trợ thần Quý Cháu là Thủy, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tứ trụ tử tinh (thực thân, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lấy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đình hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Trong Tứ trụ tuế nguyệt có thương quan, kiếp tài là đứa con sinh ở nhà nghèo hèn.

Quý Cháu có Thực nhiều là sửa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Trụ nhật Quý Cháu làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Cháu có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Trên trụ giờ Quý Cháu gặp quý nhân trạch mã là sinh con hiếu đễ.

Quý Cháu Nữ mà thực nhiều, quan ít là chồng suy, con vượng.

Trong Tứ trụ Quý Cháu khi nào thực thân, thương quan chế ngự làm mất quan tinh thì mới có con.

Can Quý Cháu giờ vượng là sinh con trai.

Sinh vào ngày giờ canh thì mặt vuông, trán rộng.

Sinh vào ngày giờ tân thì mắt phượng, tai chầu miệng có dái tai to.

Người sinh vào các giờ dần, thân, tị, hợi thì sinh ra năm nghiêng.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Cháu có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Quý Cháu có Sao con ở đất suy, bệnh, tử, mộ thì nhất đinh con ít, cô đơn và nghèo hèn.

Cung con cái Quý Cháu ở hưu, tù, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Trụ ngày Quý Cháu vượng, thực, thương, quan, sát rơi vào tuần không là không có con.

Trụ giờ Quý Cháu phạm tuần không, vong là khắc cha mẹ, người trụ ngày lâm tử tuyệt là trước 7 tuổi bệnh nhiều, sau 7 tuổi mới đỡ.

Trụ giờ Quý Cháu ở tuyệt địa thì phải đề phòng không có người thừa tự.

Quý Cháu Trong trụ có kim thủy thì đưa con chậm nói.

Quý Cháu Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Trụ giờ Quý Cháu gặp thai, hoặc mộ, tuần không, tuyệt nếu không phải là sinh đôi tức do mẹ mình sinh ra, thì là con nuôi.

Trong Tứ trụ Quý Cháu có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dự đoán đưa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khỏe & Bệnh Tật

Quý Cháu Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Cháu có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Kim thủy tương sinh mà quá vượng nên chú ý khí trệ, hen, ho, nghẹt mũi, hơi cảm thấy bồn chồn lo lắng, cảm thấy hiện tượng ngực dưới như bị thương, thờ gập, miệng khô khát.

Thổ kim tương sinh mà quá vượng, hay khí hư, thường đầy bụng, bí đại tiện, khát nước.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp át bính đinh..., chi là tý sừu dần mao...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ấn, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Cháu

hãy nhìn bản điếm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Dối	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh Tử	Mộ	Tuyệt	
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thần), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Ấn**(Chánh Ấn), **Kiêu**(Phiến Ấn, Thiên Ấn), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Cháu hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Cháu có thể nhìn vòng trường sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Cháu chưa biết gì về tứ trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương	Dưỡng		Thương	Dưỡng		Thần	Tỷ	Suy	T.Tài	Dưỡng	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THÂN	Dưỡng	KỶ	MÙI	Q.Đối	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Ất	Quý	Kỷ	Ất	Đinh		Tân	
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu		Thực	
Dưỡng	Q.Đối	Mộ	Q.Đối	Q.Đối	Dưỡng	Suy	Q.Đối	Suy		Mộ	

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Cháu Trai
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Cháu Trai
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Cháu Trai
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Cháu Trai

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tôi, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ấn nhược thì chính quan sẽ sinh ấn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tôi, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền binh”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh án, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Ấn (Chánh ấn) là cái sinh ra tôi, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ấn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tôi, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tứ trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lắm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tình người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tôi (là can có cùng cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tôi (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phấn đấu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diễm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Sợ nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiểu thấu, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bề trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tứ trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính ấn. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cần cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩn thận, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu át là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tứ trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T. Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính ấn. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bề ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tử và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộ đục là người háo

sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộ địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Cháu đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Cháu. Quý Cháu có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Cháu.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Cháu Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net